TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy và ông Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2022, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1978, vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ I, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ I, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không hòa giải được tại tòa, nguyên đơn bà _ trình bày:

Bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn, tổ chức đám cưới. Thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T thường hay ghen vô cớ rồi đánh và chửi mắng bà H1 gây thương tích. Hàng xóm có qua can ngăn nhưng ông T vẫn thường hay đánh bà H1. Hiện nay, mặc dù vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng đã sống ly thân, mặc ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng có nói chuyện hàn gắn tình cảm

nhưng không được. Nay bà H1 nhận thấy không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không thể chung sống với ông T được nữa. Vì vậy bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H1 và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 17/02/2007. Cả 2 cháu đều đang ở cùng nhà với vợ chồng bà H1, ông T. Cháu N đã trưởng thành, phát triển bình thường; còn cháu T1 không chịu đến Tòa để cung cấp ý kiến nên bà H1 không đưa cháu T1 đến Tòa được. Bà H1 yêu cầu được nuôi cháu T1 cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn T: Trong quá trình tố tụng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

- Theo Biên bản xác minh ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền có nội dung như sau: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú tại tổ E, ấp P, xã P, huyện L nhưng hiện nay 2 vợ chồng đang sinh sống tại tổ I, ấp H, xã P, huyện L. Ông T làm nghề đi biển, khi đi thì 15 đến 20 ngày ông T vô biển 1 lần. Ông T thường hay chửi mắng và đánh bà H1 nhưng ban ấp không rõ mâu thuẫn là gì.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H1. Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H1, giao cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 17/02/2007 cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H1 và ông T tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy, sự mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà H1, ông T là có thật, vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ buồn vui cùng nhau, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân, mặc ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà H1, ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H1.

[4] Về con chung: Bà H1 xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 17/02/2007. Bà H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Cháu T1 không chịu đến Tòa nên Tòa không lấy ý kiến được và ông T không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà H1 nên không biết nguyện vọng của ông T, nên chấp nhận yêu cầu của bà H1, giao cháu T1 cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H1 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 và ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H1 được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà H1 và ông T có 2 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2000 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 17/02/2007. Giao cháu Nguyễn Văn T1 cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H1 không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

2. Án phí: Áp dụng Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị H1 phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 08993 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, bà H1 đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2022) đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền**;**
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Đỗ Hữu Trí